TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐ-PT	*Thái Nguyên, ngày 23 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp*: Ông Nguyễn Tất Thắng.

- *Các Thẩm phán*: Ông Bằng Công Hiệp và bà Trần Thị Nhài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên họp: Ông Lê Văn Mạnh – Kiểm sát viên Trung cấp;

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 02/2019/QĐST-HC ngày 07/10/2019 Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố T đã căn cứ vào các Điều 123, 143, 144, 165 của Luật tố tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về yêu cầu hủy kết luận tố cáo số 03/KL-UBND ngày 29/12/2017 của UBND phường H, thành phố T và hành vi hành chính của chủ tịch UBND phường H, thành phố T, giữa:

Người khởi kiện: Ông A, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ X, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

Người bị kiện: UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

Người đại diện theo pháp luật: Bà B, chức vụ: Chủ tịch UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông C, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho đương sự: Ông S, trưởng Văn phòng Luật sư HT – Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên.

Tại đơn kháng cáo Tòa án cấp sơ thẩm nhận được ngày 18 tháng 10 năm 2019 người khởi kiện là ông A kháng cáo đề nghị hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 02/2019/QĐST-HC ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T với lý do: *"Quyết định đình chỉ này trái pháp luật, đã tước quyền khởi kiện vụ án hành chính của tôi mà luật tố tụng hành chính và các luật khác cho phép."*

XÉT THẤY:

[1]. Đơn kháng cáo của người khởi kiện là ông A làm trong hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 205, 206 của

Luật tố tụng hành chính nên đủ điều kiện để được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Nội dung giải quyết theo Quyết định sơ thẩm:

Ngày 23/8/2017 ông A có đơn tố cáo đến UBND phường H yêu cầu giải quyết, xử lý làm rõ phần rãnh thoát nước công cộng giáp với nhà ông A bị các hộ dân và Ngân hàng nông nghiệp và PTNT chi nhánh G lấn chiếm và để nước ngấm vào nhà ông A.

Ngày 29/12/2017, Ủy ban nhân dân phường H ban hành kết luận số 03/KL-UBND. Tại mục 4, phần II có kết luận: *"Nội dung tố cáo Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh G, Thái Nguyên hiện đang có công trình xây dựng lấn chiếm mương thoát nước, là tố cáo sai"* (do diện tích được sử dụng 167m2, hiện mới sử dụng 153,85m2, như vậy Ngân hàng còn thiếu 13,15m2 đất).

Sau khi được nhận Kết luận nội dung tố cáo số 03/KL-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân dân phường H ông A có làm đơn tố cáo tiếp đến các cơ quan cấp có thẩm quyền. Ngày 28/6/2018 Ủy ban nhân dân thành phố T có Quyết định về việc thụ lý giải quyết tố cáo và giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo của ông A.

Không đồng ý với Kết luận nội dung tố cáo nêu trên, ông A đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Đề nghị Tòa án hủy bỏ kết luận nội dung tố cáo số 03/KL-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T;

2. Đề nghị Tòa án xét xử về hành vi của Chủ tịch Ủy ban phường H xúc phạm đến quyền công dân.

Tại phiên tòa ngày 07/10/2019 Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố T đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 02/2019/QĐST-HC, có nội dung:

"QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 01/2019/TLST-HC ngày 21 tháng 3 năm 2019 về yêu cầu Hủy kết luận nội dung tố cáo số 03/KL-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường H và yêu cầu xét xử hành vi của chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, giữa:

Người khởi kiện: Ông A, sinh năm 1957.

ĐKHKTT: tổ X, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người bị kiện: UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà B, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông C, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho đương sự: Ông S, Trưởng văn phòng Luật sư HT, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (do ông A mời)

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Người khởi kiện có quyền nhận lại các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án nếu có yêu cầu và người khởi kiện không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Về án phí: Ông A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, chuyển từ khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007454 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T."

Ngoài ra Quyết định còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

[3]. Xét nội dung kháng cáo:

Tại Điều 205 Luật Đất đai năm 2013 quy định về giải quyết tố cáo về đất đai có nội dung: *"1. Cá nhân có quyền tố cáo vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai; 2. Việc giải quyết tố cáo vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo"*. Ngày 23/8/2017 ông A làm đơn tố cáo gửi đến UBND phường H, thành phố T yêu cầu giải quyết, xử lý làm rõ phần rãnh thoát nước công cộng giáp với nhà ông A bị các hộ dân và Ngân hàng nông nghiệp và PTNT chi nhánh G lấn chiếm. Như vậy, ông A tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai và đã được giải quyết theo trình tự thủ tục của Luật tố cáo 2011. Kết luận nội dung tố cáo số 03/KL-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H là kết quả giải quyết đơn tố cáo của công dân (ông A). Trường hợp ông A không đồng ý với kết luận nội dung tố cáo thì có quyền tố cáo tiếp với người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của người có trách nhiệm giải quyết tố cáo (theo điểm d khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 27 Luật Tố cáo năm 2011), do đó Kết luận giải quyết nội dung tố cáo không phải là đối tượng bị khởi kiện của vụ án hành chính. Về yêu cầu xem xét xử lý hành vi của Chủ tịch UBND phường H, thành phố T có lời nói xúc phạm quyền công dân. Tại khoản 2 Điều 13 Luật tố cáo năm 2011 có quy định: *"2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã..."*. Hành vi của Chủ tịch UBND phường H như ông A nêu trong đơn không phải là hành vi hành chính nên cũng không thuộc đối tượng bị khởi kiện của vụ án hành chính. Vì vậy, việc ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Kết luận nội dung tố cáo số 03/KL-UBND ngày 29/12/2017 và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4]. Tuy nhiên, qua nghiên cứu Quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng:

- Về áp dụng pháp luật: Cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết là chưa chính xác. Nghị quyết hướng dẫn Luật tố tụng hành chính đang có hiệu lực là Nghị quyết số 02/2017/HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hình thức của quyết định đình chỉ 02/2019/QĐST-HC ngày 07/10/2019 Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện chưa đúng với mẫu biểu số 15 (Mẫu Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử) được ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Về xác định tư cách người bị kiện: Đối tượng bị khởi kiện trong vụ án bao gồm: Kết luận nội dung tố cáo số 03 do Chủ tịch UBND phường H ban hành theo Luật Tố cáo và hành vi của Chủ tịch UBND phường Hương Sơn, lẽ ra phải xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND phường H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định người bị kiện là UBND phường H, thành phố T là chưa chính xác.

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, trường hợp Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính thì tiền tạm ứng án phí được trả lại cho người đã nộp. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết vụ án nhưng lại buộc người khởi kiện phải chịu án phí là chưa đúng.

Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót nhưng không làm thay đổi nội dung đình chỉ việc giải quyết vụ án nên không cần thiết phải hủy quyết định sơ thẩm để giải quyết lại, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm chung. Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định chưa đúng tư cách người bị kiện và buộc người khởi kiện chịu án phí sơ thẩm Hội đồng phúc thẩm thấy cần thiết phải sửa Quyết định sơ thẩm, xác định lại tư cách người bị kiện và trả lại án phí cho người khởi kiện.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, sửa Quyết định sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[6]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết kháng cáo tại phiên họp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, sửa quyết định sơ thẩm theo hướng xác định lại tư cách người bị kiện và trả lại án phí cho người khởi kiện là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3, điểm b khoản 5 Điều 243, khoản 2 Điều 349 của Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông A. Sửa Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 02/2019/QĐST-HC ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T về xác định tư cách người bị kiện và nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 2 Điều 165 của Luật tố tụng hành chính.

Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 01/2019/TLST-HC ngày 21 tháng 3 năm 2019 về yêu cầu Hủy kết luận nội dung tố cáo số 03/KL-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H và yêu cầu xét xử hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, giữa:

Người khởi kiện: Ông A, sinh năm 1957.

ĐKHKTT: tổ X, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà B, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông C, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho đương sự: Ông S, Trưởng văn phòng Luật sư HT, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Người khởi kiện có quyền nhận lại các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án nếu có yêu cầu và người khởi kiện không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Về án phí: Ông A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được trả lại số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0007454 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được trả lại số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0002290 ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Nguyến.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP T;

TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TPT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tất Thắng